TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 - TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2025/HNGĐ-ST
Ngày 05-8-2025
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thúy Vân

2. Bà Vũ Hoa Lam

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Đức Trung, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Lâm Thúy Vi, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 122/2025/TLST-HNGĐ ngày 18/3/2025 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Tuyết M, sinh năm 1971; địa chỉ: Số B, Đường T, khu phố A, phường T, tỉnh Tây Ninh; CCCD số: 072171006316 do Cục CSQLHC về TTXH cấp ngày 15/9/2022; Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Lý Quốc H, sinh năm 1971; địa chỉ: Số B, Đường T, khu phố A, phường T, tỉnh Tây Ninh; CCCD số: 072071000205 do Cục CSQLHC về TTXH cấp ngày 29/12/2022; Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Quý tín dụng nhân dân thành phố T; Địa chỉ: Số H, Đường T, Khu phố A, Phường T, tỉnh Tây Ninh; (Có văn bản đề nghị giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/3/2025, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Tuyết M trình bày:*

Bà M, ông H chung sống với nhau từ năm 1995 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban Nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh ngày 16/3/1995. Vợ chồng chung sống có phát sinh mâu thuẫn do cả hai không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, tình cảm không thể hàn gắn đoàn tụ được nên bà M yêu cầu được ly hôn với ông H.

- Về con chung: Có 02 con chung là Lý Thị Hồng L, sinh năm 1997 và Lý Thị Hồng Đ, sinh ngày 11/02/2008. Cháu L đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà M yêu cầu nuôi con chung là Lý Thị Hồng Đ và yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/ tháng.

- Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng có nợ Quỹ tín dụng nhân dân thành phố T 170.000.000 đồng, không yêu cầu giải quyết.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lý Quốc H trình bày:*

Về thời gian đăng ký kết hôn, nơi đăng ký kết hôn như bà M trình bày.

Về hôn nhân: Bà M yêu cầu ly hôn với ông H thì ông đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông H đồng ý giao con chung là Lý Thị Hồng Đ cho bà M nuôi, ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/ tháng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Có nợ Quỹ tín dụng nhân dân thành phố T 170.000.000 đồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến của Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Quỹ tín dụng nhân dân thành phố T tại hồ sơ vụ án:*

Ông Lý Quốc H và bà Lê Thị Tuyết M có vay vốn tại Quỹ tín dụng nhân dân thành phố T theo Hợp đồng tín dụng số 40247/HĐTD ngày 24/7/2024, với số tiền là: 170.000.000 đồng. Do bà M, ông H chưa vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Quỹ tín dụng nhân dân thành phố T không có yêu cầu độc lập trong vụ án và xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng Tại Toà án nhân dân các cấp.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh:*

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Căn cứ các Điều 51, 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà M đối với ông H.

+ Về con chung: Có 02 là Lý Thị Hồng L, sinh năm 1997 và Lý Thị Hồng Đ, sinh ngày 11/02/2008. Cháu L đã trưởng thành. Giao cháu Lý Thị Hồng Đ cho bà M nuôi; ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/ tháng.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

+ Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà M có yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" với ông H có địa chỉ cư trú tại khu phố A, phường T, tỉnh Tây Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh theo quy định tại Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội.

[2] Về hôn nhân: Bà M và ông H chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban Nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh (nay là xã T, tỉnh Tây Ninh) vào ngày 16/3/1995 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của bà M đối với ông H: Bà M trình bày nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do cả hai không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không đoàn tụ được. Ông H cũng đồng ý ly hôn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về con chung:

Cháu Lý Thị Hồng L, sinh năm 1997 đã trưởng thành, bà M, ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà M xin nuôi con chung Lý Thị Hồng Đ, sinh ngày 11/02/2008. Cháu Đ đang sống cùng bà M và có nguyện vọng tiếp tục được ở với mẹ. Để ổn định sinh hoạt cho con chung và cháu Đ cũng là con gái nên Hội đồng xét xử xét thấy cần cháu Đ cho bà M tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận ông H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Ông H có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom con chung, không ai được cản trở theo quy định tại các Điều 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không ai có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Đối với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Bà M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng; Ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 81, 82, 83, 110, 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" của bà Lê Thị Tuyết M đối với ông Lý Quốc H. Bà M, ông H được ly hôn.

2. Về con chung:

Cháu Lý Thị Hồng L, sinh năm 1997 đã trưởng thành, bà M, ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Giao cháu Lý Thị Hồng Đ, sinh ngày 11/02/2008 cho bà M tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng), bắt đầu thực hiện cấp dưỡng nuôi con từ tháng 8/2025 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Ông H có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí:

Bà M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0004205 ngày 18/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Bà M đã nộp đủ án phí.

Ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng)

5. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

6. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 10 – Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- UBND xã Thành Long, tỉnh TN;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Đặng Thị Ngọc Dung